

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1859** /STC-TH&QLNS

Thái Nguyên, ngày **05** tháng 3 năm 2026

V/v đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo
Quyết định ban hành Quy chế quản
lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách
địa phương ủy thác qua Ngân hàng
Chính sách xã hội để cho vay đối
với người nghèo và các đối tượng
chính sách khác trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 65/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 1010/UBND-KT ngày 30/01/2026 về việc xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản

lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính đã phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh xây dựng hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh và có văn bản số 1316/STC-TH&QLNS ngày 10/02/2026 gửi các sở, ngành, địa phương xin ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Quyết định.

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Có Tài liệu hồ sơ gửi kèm theo).

Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp xem xét, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (b/c);
 - Lưu: VT, TH&QLNS.
- Tuanhd

Tuanhd

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Ngọc



TTTr-STC

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 65/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Điều 4, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 được sửa đổi bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định:

Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư này, UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.”

Do vậy, việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

1. Căn cứ Khoản 7, Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024, Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính¹, Điểm d, Khoản 6, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia², Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 quy định cơ chế, chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đã ban hành Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

¹ Khoản 7, Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024 quy định:

“Điều 5. Đối tượng đầu tư công.

7. *Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.*

Chính phủ quy định điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”

- Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính quy định:

“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương”

² Điểm d, Khoản 6, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.”

2. Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024, tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn. Tuy nhiên, quy định của hai tỉnh có sự khác nhau, cụ thể:

- Nguồn vốn địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội đang có sự khác biệt, tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp quy định: *“Nguồn vốn ngân sách địa phương (Vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.....”* tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp quy định: *“Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.”*

- Quy định về việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay cũng chưa được thống nhất, tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp quy định: *“Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 12% số tiền lãi thu được.....”* tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp quy định: *“Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và được chi cho các nội dung....”*

Từ các lý do nêu trên, việc tiếp tục duy trì thực hiện các Quyết định quy định trên có điểm khác biệt, chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các đơn vị, địa phương trong cùng tỉnh trong bối cảnh hiện nay là chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Để tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương hai cấp thì việc xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo văn bản

Việc xây dựng Quyết định phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Ngày 25/12/2025, Sở Tài chính có văn bản số 7578/TTr-STC gửi UBND tỉnh đăng ký xây dựng Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp (tại văn bản số 195/STP-XDVB ngày 23/01/2026), ngày 30/01/2026 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 1010/UBND-KT giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 10/02/2026, Sở Tài chính có văn bản số 1316/STC-TH&QLNS lấy ý kiến các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan và đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đối với dự thảo Quyết định;

Đến ngày 27/02/2026, Sở Tài chính nhận được 25 ý kiến góp ý của các sở, ngành, và các cơ quan, đơn vị liên quan; Sở Tài chính đã tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Quyết định.

Ngày .../03/2026, Sở Tài chính có văn bản số/STC-TH&QLNS gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ Quyết định. Ngày .../...../2026, Sở Tư pháp có văn bản số/BC-STP về việc thẩm định hồ sơ Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính có Báo cáo giải trình số/BC-STC ngày/...../2026 về tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra của Sở Tư pháp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để

cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Quy chế gồm 03 chương, 15 điều, bao gồm:

Chương I. Quy định chung (gồm 02 điều)

Chương II. Quy định cụ thể (gồm 10 điều)

Chương III. Tổ chức thực hiện (gồm 3 điều)

3. Nội dung cơ bản

Quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không có.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

- Các chủ thể là các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan là những nguồn lực và điều kiện để tổ chức thực hiện Quyết định.

- Sở Tài chính báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tháng 3 năm 2026.

Nội dung tham mưu đã đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, số liệu đảm bảo chính xác

và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Trên đây là Tờ trình về việc dự thảo Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm: Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định,
Bản Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình, Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật,
Bản so sánh, thuyết minh và các tài liệu có liên quan)*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, TH&QLNS.
- Tuanhd

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: THÁI /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 65/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra)
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Quốc Tuấn

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hằng năm (tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định.

2. Nguồn tiền lãi còn lại từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 10 quy chế này.

3. Nguồn từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa (nếu có).

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Điều 4. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Cơ quan tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tại Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 8. Quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện cho vay, bảo đảm tiền vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện cho vay, đảm bảo tiền vay theo các hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo đúng quy định.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, mức phí quản lý bằng 0,4% dư nợ cho vay bình quân/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và được chi cho các nội dung sau:

a) Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các văn bản hướng dẫn khác của pháp luật, của NHCSXH theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

b) Nội dung và mức chi khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương: Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng, Quy chế Thi đua khen thưởng của NHCSXH, nguồn kinh phí được trích và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân, giao Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh quyết định đảm

bảo theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định khác của pháp luật về thi đua khen thưởng hiện hành.

c) Kết thúc năm ngân sách, kinh phí được trích không sử dụng hết (nếu có), Chi nhánh NHCSXH tỉnh hạch toán bổ sung nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH theo quy định tại Điều 2 Quy chế này.

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quyết định, thực hiện chi tiêu tại chi nhánh và các phòng giao dịch NHCSXH theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Phần còn lại (nếu có), được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét, xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do HĐND tỉnh quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Việc rà soát tình hình sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 năm báo cáo), hằng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

2. Định kỳ hằng quý, hằng năm Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh tình hình thực hiện nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH trong kế hoạch đầu tư công theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra (khi cần thiết) tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được, kiểm tra các đối tượng vay vốn.

c) Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để xử lý rủi ro hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương đã thực hiện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp để xử lý nợ rủi ro).

d) Phối hợp với Sở Nội vụ, Chi nhánh NHCSXH tỉnh thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nợ rủi ro theo Điều 11 quy chế này và xử lý các đối tượng vay vốn quá hạn theo quy định.

3. Các sở, ngành khác có liên quan

Phối hợp thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro (khi có đề nghị) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.

b) Hướng dẫn nghiệp vụ; thực hiện quy trình thủ tục cho vay; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách theo quy định.

c) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác, sử dụng lãi cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.

d) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đúng quy định.

đ) Chủ trì kiểm tra, rà soát gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính hồ sơ đề xuất các trường hợp xử lý nợ rủi ro theo Điều 11 quy chế này.

e) Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của UBND tỉnh.

g) Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác; cơ chế, xử lý nợ rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn theo quy định.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... (nếu có), hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi... (nếu có).

7. Trách nhiệm của người vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.

c) Trường hợp chây ì không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.



UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STC

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh liên quan đến các chính sách/dự thảo

Tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc, được sáp nhập từ tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn từ ngày 1/7/2025, có 92 xã, phường với hơn 8,3 nghìn km², dân số gần 1,8 triệu người. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng của tỉnh đạt 6,33%. Quy mô kinh tế đạt 195,3 nghìn tỷ đồng, xếp thứ 22/34 tỉnh, thành phố, xếp thứ hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc. GRDP bình quân đầu người đạt 114,1 triệu đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 29 nghìn tỷ đồng.

Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác là chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam được cụ thể hóa tại Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối

tượng chính sách khác thì UBND tỉnh phải ban hành quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện quy định của các văn bản pháp luật có liên quan, trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh Thái Nguyên và Tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các Quyết định quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, các văn bản pháp luật quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác có sự thay đổi, cụ thể: ngày 19/8/2025 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 84/2025/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/2/2017 Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Bên cạnh đó, tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Sở Tài chính đã thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả về thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

- Tổng kết, đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện việc thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tổng hợp kết quả huy động và quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Việc tổ chức thi hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục. Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) đã ban hành Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) đã ban hành Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Trung ương và các Quyết định của tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp, việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được triển khai thực hiện đúng quy định. Kết quả thực hiện như sau:

- Tổng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách đến hết ngày 31/12/2025 là 554.050.783.187 đồng, trong đó: tỉnh Thái Nguyên trước khi sắp xếp là 416.854.742.860 đồng, tỉnh Bắc Kạn trước khi sắp xếp là 137.196.040.327 đồng.

- Quỹ dự phòng rủi ro đến hết ngày 31/12/2025 là 4.130.477.310 đồng.

- Trong giai đoạn 2020 – 2025, thực hiện trích chi phí quản lý từ nguồn ngân sách địa phương là 46.259.453.749 đồng. Trích kinh phí hoạt động của Ban Đại diện NHCSXH là 14.263.680.000 đồng.

- Đã thực hiện xử lý rủi ro do ảnh hưởng bão Yagi năm 2024: Khoanh nợ 06 món vay, số tiền 360.547.112 đồng, (trong đó gốc là 359.000.000 đồng, lãi 1.547.112 đồng).

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình thi hành các Quyết định về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính không nhận được văn bản của các cơ quan, đơn vị phản ánh về khó khăn, vướng mắc.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024, tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn. Tuy nhiên, quy định mức nộp tiền của 02 tỉnh có sự khác nhau, cụ thể:

- Nguồn vốn địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách đang có sự khác biệt giữa, tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp quy định: *“Nguồn vốn ngân sách địa phương (Vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.....”* tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp quy định: *“Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.”*

- Quy định về việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay cũng chưa được thống nhất, tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp quy định: *“Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân*

hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 12% số tiền lãi thu được.....” tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp quy định: “Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và được chi cho các nội dung....”

Từ các lý do nêu trên, việc tiếp tục duy trì thực hiện các Quyết định quy định trên có điểm khác biệt, chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các đơn vị, địa phương trong cùng tỉnh trong bối cảnh hiện nay là chưa thực sự phù hợp. Để tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật thì việc xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác là phù hợp và cần thiết.

Có thể thấy, việc tiếp tục duy trì thực hiện các Quyết định quy định trên có điểm khác biệt, chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các đơn vị, địa phương trong cùng tỉnh trong bối cảnh hiện nay là chưa thực sự phù hợp.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được triển khai đồng bộ, thống nhất và đúng quy định của Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính, Sở Tài chính đề xuất xây dựng Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thay thế các quyết định trước đó để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TH&QLNS;

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc

Phụ lục

TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH QUY ĐỊNH MỨC NỘP TIỀN ĐỂ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

| CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO | CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG | ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần) | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|---|---------------------------------------|---|----------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

| CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN | QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất) | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|---|---|---|---|
| Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | Phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để tổ chức thực hiện |

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

| CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN | QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích) | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|---|---|------------------------------------|----------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 3 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỂ CHO VAY ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO
VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025 và các quy định hiện hành, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là dự thảo Quyết định).

- Tổng số cơ quan, tổ chức cơ quan chủ trì soạn thảo đã gửi xin ý kiến theo Công văn số 1316/STC-TH&QLNS ngày 10/02/2026: 129 đơn vị, gồm: UB MTTQ VN tỉnh, 11 sở chuyên ngành thuộc UBND tỉnh, 25 cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh và 92 UBND xã, phường.
- Tổng số ý kiến cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được tính đến hết ngày 27/02/2026: 25 văn bản tham gia góp ý (gồm: Ban Thường trực UB MTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, 09/36 văn bản của các sở ngành, đơn vị tương đương¹; 19/92 văn bản của UBND các xã, phường²). Trong đó: 06 cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến tham gia³; 23 cơ quan, đơn vị, địa phương nhất trí với dự thảo văn bản.

¹ (1) Sở Công Thương, (2) Thanh tra tỉnh, (3) Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, (4) Sở Tư pháp, (5) Sở Xây dựng, (6) Công an tỉnh, (7) Sở Y tế, (8) Sở Giáo dục và Đào tạo, (9) Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

² UBND các xã, phường: (1) Lành Sơn, (2) Phố Sơn, (3) Trại Cau, (4) Bình Yên, (5) Dân Tiến, (6) Nghinh Tường, (7) Chợ Mới, (8) Cường Lợi, (9) Nghĩa Tá, (10) Phúc Lộc, (11) Diềm Thủy, (12) Trảng Xá, (13) Yên Trach, (14) Lam Vỹ, (15) Bằng Ván, (16) Quyết Thắng, (17) Quán Triều, (18) Phú Xuyên, (19) Phú Thông.

3. Kết quả cụ thể như sau:

Trên cơ sở ý kiến tham gia của 06 cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, như sau:

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|---|--|
| 1 | Nhóm vấn đề về căn cứ pháp lý ban hành | | | |
| 2 | Về các nội dung của dự thảo văn bản | Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 387/MTTQ-BTT ngày 27/02/2026 | Tại Khoản 2, điều 2: Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 quy chế này. Đề nghị cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo Quy chế ghi rõ nguồn lãi sau khi đã trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật như: trích lập dự phòng, chi phí cho vay, chi phí quản lý... được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác. Đề nghị cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo bổ sung nội dung tên Điều 13 là: “Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương” vì trong nội dung Điều 13 có quy định trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội là “tổ chức”. Tại Điều e Khoản 5 quy định: Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản |

³ (1) BTT UB MTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, (2) Thanh tra tỉnh, (3) Sở Tư pháp, (4) Sở Giáo dục và Đào tạo, (5) Chi nhánh NHCSXH tỉnh (6) UBND xã Diêm Thụy.

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|---|---|--|
| | | Thanh tra tỉnh tại văn bản số 706/TTr-NV4 ngày 13/02/2026 | <p>với nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác)". Đề nghị cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo Quy chế sửa bổ nội dung: "Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác)" vì từ ngày 01/7/2025 thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp không còn cấp huyện.</p> <p>Đề nghị Sở Tài chính sửa lại phần số, ký hiệu của dự thảo Quyết định thành "Số: /2026/QĐ-UBND" để phù hợp với loại văn bản, cơ quan ban hành.</p> | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản |
| | Sở Tư pháp tại văn bản số 432/STP-XDVB ngày 24/02/2026 | <p>- Đề nghị chỉnh sửa Điều 2 dự thảo Quyết định như sau: "Điều 2. Hiệu lực thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng...năm 2026. 2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: a) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; b) Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản | |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|--|---|
| | | | <p>trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.”</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa phân số, ký hiệu của dự thảo Quyết định từ “Số: /2026/NQ-HĐND” thành “Số: /2026/QĐ-UBND”; tại phần căn cứ ban hành và Điều 5, Điều 7 dự thảo đề nghị chỉnh sửa phân số ký hiệu của Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>3. Về thể thức kỹ thuật trình bày: đề nghị rà soát trình bày theo mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL (ví dụ: tại phần chuyển tiếp giữa căn cứ ban hành và nội dung đề nghị chỉnh sửa thành “<i>Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế...</i>”; tại Điều 9 dự thảo Quy chế đề nghị bỏ cục dưới hình thức điều, khoản, điểm không sử dụng gạch đầu dòng...).</p> | <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|--|--|
| | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lỗi chính tả; rà soát thống nhất cách viết tắt trong dự thảo Quyết định | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản |
| | | Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên | <p>1. Đối với dự thảo tờ trình Về việc đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p> <p>- Tại mục 2 Cơ sở thực tiễn có nội dung: “tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn” đề nghị thay đổi thành “tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) ban hành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn”</p> <p>- Thay các nội dung có ghi Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND thành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND.</p> | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản |
| | | | <p>2. Đối với dự thảo quy chế Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong đó:</p> | |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Tại điều 5 Đối tượng cho vay đề nghị bổ sung thêm đối tượng cho vay theo quy định tại Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Tại điều 9 Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn có nội dung “Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch Chi nhánh NHCSXH nơi cho vay xem xét ...” đề nghị sửa thành “Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xem xét ...” Lý do cơ cấu tổ chức của NHCSXH gồm Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh và Phòng giao dịch NHCSXH. - Tại khoản 3 Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay có nội dung “Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được” đề nghị sửa thành “ Mức trích 15% số tiền lãi thu được”. - Tại điểm a khoản 3 Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay có nội dung “Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 | <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính đề nghị giữ theo nội dung quy định tại Khoản 7, điều 5, TT số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|---|---|
| | | | <p>của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các văn bản hướng dẫn khác đảm bảo quy định” đề nghị sửa thành “ Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; các văn bản hướng dẫn khác của pháp luật, của NHCSXH theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định”.</p> <p>- Tại điểm c khoản 3 Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay có nội dung “Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch Chi nhánh NHCS tỉnh quyết định, thực hiện chi tiêu theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập” đề nghị sửa thành “Chi nhánh NHCSXH tỉnh quyết định, thực hiện chi tiêu tại chi nhánh và các phòng giao dịch NHCSXH theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập”</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay có nội dung “Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay”</p> <p>- Tại điểm e khoản 5 điều Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nội dung “Hoàn trả vốn ngân sách</p> | <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại</p> |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|---|--|
| | | | <p>địa phương ủy thác khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác)” đề nghị sửa thành “Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh khi hết đối tượng cho vay theo quy định”.</p> <p>- Tại điểm b khoản 6 điều Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nội dung “Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn ...” đề nghị sửa thành “Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn ...”.</p> <p>- Tại điểm c khoản 6 điều Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nội dung “Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... đề nghị sửa thành “Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn ...”.</p> | <p>dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> <p>Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản</p> |

| TT | Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản | Chủ thể góp ý/ Thẩm vấn/ Phản biện | Nội dung góp ý/Thẩm vấn/Phản biện | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----|--|--|---|--|
| | | UBND xã Diêm Thụy tại văn bản số 412/UBND-KT ngày 23/02/2026 | <p>3. Tại Dự thảo Báo cáo Tổng kết việc thi hành Quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p> <p>- Thay các nội dung có ghi Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND thành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại mục 2 Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung kết quả quỹ dự phòng rủi ro và trích phí quản lý, kinh phí hoạt động của Ban đại diện như sau:</p> <p>+ Quỹ dự phòng rủi ro đến hết ngày 31/12/2025 là 4.130.477.310 đồng.</p> <p>+ Trong giai đoạn 2020 – 2025, thực hiện trích chi phí quản lý từ nguồn ngân sách địa phương là 46.259.453.749 đồng. Trích kinh phí hoạt động của Ban Đại diện NHCSXH là 14.263.680.000 đồng.</p> <p>- Về chính tả: Thống nhất sử dụng từ: “ủy” hay “ủy”, “ủy” hay “ủy”.</p> <p>- Sửa từ “tình tình” thành “tình hình” tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế.</p> <p>- Xem xét bỏ cụm từ “cấp huyện” tại điểm e khoản 5 Điều 13 của Quy chế.</p> | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa tại dự thảo văn bản |
| 3 | Về các hồ sơ khác có liên quan | | | Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung tại dự thảo văn bản |



UBND TỈNH TH. NGUYỄN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 03 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|---|---|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thành phố) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Ủy ban nhân dân tỉnh. 2. Các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh. 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội bao gồm Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 2. Đối tượng áp dụng a) Ủy ban nhân dân các cấp thuộc | Dự thảo văn bản 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. | Thuyết minh Căn cứ Điều 1, Điều 2, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|---|--|---|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>phố (cấp huyện); các phòng chuyên môn cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã).</p> <p>5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện (Ngân hàng Chính sách xã hội).</p> <p>6. Các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> | | |
| <p>Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p> <p>1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (Vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để cho vay đối với người nghèo và các</p> | <p>Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> <p>1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các đối</p> | <p>Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> <p>1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định.</p> <p>2. Nguồn tiền lãi còn lại từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm</p> | <p>Căn cứ Điều 3, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|---|--|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>vốn ngân sách cấp huyện với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn), Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (đối với Ủy ban nhân dân các huyện còn lại).</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>huyện ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).</p> | | |
| <p>Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn ngân sách địa phương (vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí vốn ngân sách địa phương, ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối nguồn vốn từ ngân sách huyện, thành phố bao gồm: Vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác,</p> | <p>Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> <p>1. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng chính sách xã hội, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.</p> <p>3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.</p> | <p>Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> <p>1. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng chính sách xã hội, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.</p> <p>3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.</p> | <p>Căn cứ Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|--|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>kinh phí thường xuyên trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn cấp huyện.</p> <p>3. Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền.</p> <p>4. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.</p> | <p>Điều 5. Đối tượng cho vay</p> <p>1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p> <p>2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).</p> | <p>Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái</p> | <p>Căn cứ Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để</p> |
| <p>Điều 6. Đối tượng cho vay</p> <p>1. Đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p> <p>2. Đối tượng cho vay theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>3. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân</p> | <p>Điều 5. Đối tượng cho vay</p> <p>1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p> <p>2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).</p> | <p>Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái</p> | <p>Căn cứ Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|---|---|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) tỉnh quyết định (nếu có). | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay</p> <p>1. Các đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 6 Quy chế này: Áp dụng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>2. Các đối tượng vay vốn quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này: Hỗ trợ thực hiện một số hoạt động sau đây của các chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn.</p> <p>Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; điều kiện, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)</p> <p>1. Các đối tượng quy định tại khoản</p> | <p>Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay</p> <p>Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng phù với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.</p> <p>Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)</p> <p>1. Mức cho vay, thời hạn cho vay,</p> | <p>Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.</p> <p>Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay</p> <p>Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.</p> <p>Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND</p> | <p>Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ưu đãi qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.</p> <p>Căn cứ Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ</p> <p>- Căn cứ Khoản 5, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi tại khoản 3, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|---|---|
| <p style="text-align: center;">Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>1, khoản 3 Điều 6 Quy chế này: Thực hiện theo quy định hiện hành về cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>2. Các đối tượng cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này: a) Đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình: Thực hiện theo quy định về cho vay tương ứng với từng chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của Ngân hàng Chính sách xã hội. b) Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia: Thực hiện theo quy định về cho vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> | <p style="text-align: center;">Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ và thời điểm vay.</p> <p>2. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện cho vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay, đối tượng vay đúng quy định.</p> | <p>tình quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tại Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.</p> | <p>ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, theo quy định tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh và Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh</p> <p>- Theo các hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ</p> |
| <p style="text-align: center;">Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ và thời điểm vay.</p> <p>2. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện cho vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay, đối tượng vay đúng quy định.</p> | <p>Điều 8. Quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện cho vay, bảo đảm tiền vay</p> <p>Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay theo các hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo đúng quy định.</p> | <p>Điều 8. Quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện cho vay, bảo đảm tiền vay</p> <p>Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay theo các hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo đúng quy định.</p> | <p>- Theo các hướng dẫn của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay trong từng thời kỳ</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|--|--|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn</p> <p>1. Thẩm quyền gia hạn nợ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định gia hạn nợ của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ phù hợp với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện ủy thác.</p> <p>2. Việc đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.</p> | <p>Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn</p> <p>1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Ngân hàng chính sách xã hội các cấp xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ.</p> | <p>Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn</p> <p>1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.</p> | <p>Căn cứ Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác</p> |
| <p>Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay</p> <p>Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý, hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính</p> | <p>Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay</p> <p>Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính</p> | <p>Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay</p> <p>Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> | <p>Căn cứ Khoản 7, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|--|-------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> | | |
| <p>a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính;</p> <p>Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).</p> <p>2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, mức phí quản lý bằng 0,4% dư nợ cho vay bình quân/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.</p> <p>3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được</p> | <p>phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính;</p> <p>Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).</p> <p>2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng</p> | <p>Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).</p> <p>2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, mức phí quản lý bằng 0,4% dư nợ cho vay bình quân/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.</p> <p>3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|--|--|--------------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác.</p> <p>c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 12% số tiền lãi thu được, cụ thể:</p> <p>Trích 7% số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách các cấp ủy thác, giao cho Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh), Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố (đối với nguồn ngân sách cấp huyện) để thực hiện chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng.</p> <p>Trích 5% số tiền lãi thu được từ hoạt</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Ngân hàng chính sách xã hội nơi nhận ủy thác.</p> <p>3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.</p> <p>Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và được chi cho các nội dung sau:</p> <p>a) Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và</p> | <p>và được chi cho các nội dung sau:</p> <p>a) Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các văn bản hướng dẫn khác của pháp luật, của NHC SXH theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.</p> <p>b) Nội dung và mức chi khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHC SXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHC SXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương: Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng, Quy chế Thi đua khen</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|---|---|-------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kan (trước sáp nhập)</p> <p>động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách các cấp ủy thác, giao cho Sở Tài chính (đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với nguồn ngân sách cấp huyện) thực hiện chi công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các đơn vị liên quan.</p> <p>d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.</p> <p>2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Lập dự toán, quyết toán</p> <p>a) Hằng năm, sau khi kết thúc niên độ ngân sách, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện tổng hợp quyết toán tiền lãi thu được từ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện ủy</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>các văn bản hướng dẫn khác đảm bảo theo quy định.</p> <p>b) Nội dung và mức chi khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện quản lý và thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật thi đua khen thưởng hiện hành.</p> <p>c) Kết thúc năm ngân sách, kinh phí được trích không sử dụng hết (nếu có), Ngân hàng chính sách xã hội hạch toán bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, báo cáo Trưởng Ban</p> | <p>thường của NHCSXH, nguồn kinh phí được trích và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân, giao Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh quyết định đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định khác của pháp luật về thi đua khen thưởng hiện hành.</p> <p>c) Kết thúc năm ngân sách, kinh phí được trích không sử dụng hết (nếu có), Chi nhánh NHCSXH tỉnh hạch toán bổ sung nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH theo quy định tại Điều 2 Quy chế này.</p> <p>Chi nhánh NHCSXH tỉnh quyết định, thực hiện chi tiêu tại chi nhánh và các phòng giao dịch NHCSXH theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|---|-------------|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>thác, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua cơ quan Tài chính cùng cấp) theo dõi, tổng hợp.</p> <p>b) Đối với kinh phí được trích (1,2% số tiền lãi thu được) quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Xác định trên cơ sở số liệu quyết toán năm trước để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của năm hiện hành.</p> <p>Trường hợp không sử dụng hết số kinh phí được giao quản lý và sử dụng trong năm, số còn lại được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng.</p> <p>Đối với kinh phí do Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, huyện quản lý: Giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp xây dựng kế hoạch chi hàng năm trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp phê duyệt; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện phê duyệt</p> | <p>đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội cùng cấp. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện quyết định, thực hiện chi tiêu theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>4. Phần còn lại (nếu có), Ngân hàng chính sách xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội cùng cấp bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.</p> | <p>đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>4. Phần còn lại (nếu có), được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|---|--|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kan (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>hồ sơ dự toán, thanh toán, quyết toán các khoản chi tại đơn vị theo quy định của pháp luật và khoản 2 Điều này.</p> <p>Đối với kinh phí do Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch quản lý: Các đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại khoản 2 Điều này. Hàng năm tổng hợp, lập dự toán và tổng hợp vào báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành (quyết toán vào nguồn kinh phí khác của đơn vị).</p> | <p>Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro</p> <p>1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét, xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị</p> | <p>Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro</p> <p>1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Áp dụng đối với các khoản nợ của khách hàng vay vốn bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do</p> | <p>Căn cứ Khoản 8, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi tại khoản 5, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Thuyết minh |
|---|---|---|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro</p> <p>a) Đối với trường hợp gia hạn nợ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay quyết định.</p> <p>b) Đối với trường hợp khoanh nợ, xóa nợ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).</p> <p>4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>rủi ro:</p> <p>a) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.</p> <p>b) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.</p> <p>3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng chính sách xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.</p> <p>4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; Cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giám trực</p> | <p>khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do HĐND tỉnh quy định.</p> <p>2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.</p> <p>3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác.</p> <p>4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.</p> <p>5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Thuyết minh |
|---|---|---|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.</p> <p>5. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, cấp huyện.</p> <p>6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.</p> <p>Việc rà soát tình hình sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.</p> | |
| | | <p>Dự thảo văn bản</p> <p>lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.</p> <p>Việc rà soát tình hình sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|---|-----------------|-------------|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>Điều 12. Hợp đồng ủy thác đối với các cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác</p> <p>Hợp đồng ủy thác đối với cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác, đảm bảo một số nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ, người đại diện, chức vụ... của bên ủy thác và bên nhận ủy thác. Nội dung ủy thác đầu tư. Số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, lãi suất ủy thác, phương thức cấp vốn, ngày chuyển tiền ủy thác, ngày chuyển chi phí quản lý (nếu có)... Cơ chế cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư <p>Thực hiện theo Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy chế này. Đối với đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có): Áp dụng thủ tục, quy trình, sản phẩm cho vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> | | | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|---|--|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>5. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan trong từng thời kỳ.</p> <p>6. Xử lý nợ rui ro thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rui ro trong từng thời kỳ.</p> <p>7. Quyền và trách nhiệm của các Bên.</p> <p>8. Khi có thay đổi về nội dung của Hợp đồng ủy thác, các bên tham gia phải ký bổ sung Phụ lục hợp đồng.</p> <p>9. Các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> | <p>5. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan trong từng thời kỳ.</p> <p>6. Xử lý nợ rui ro thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rui ro trong từng thời kỳ.</p> <p>7. Quyền và trách nhiệm của các Bên.</p> <p>8. Khi có thay đổi về nội dung của Hợp đồng ủy thác, các bên tham gia phải ký bổ sung Phụ lục hợp đồng.</p> <p>9. Các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> | | |
| <p>Điều 14. Chế độ báo cáo</p> <p>1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn ngân sách các cấp trong tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay; gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, các sở, ban,</p> | <p>Điều 11. Chế độ báo cáo</p> <p>1. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác</p> <p>a) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 năm báo cáo), hàng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Ngân hàng chính sách xã hội nơi nhận ủy thác báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và</p> | <p>Điều 12. Chế độ báo cáo</p> <p>1. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 năm báo cáo), hàng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.</p> | <p>Căn cứ Khoản 9, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi tại khoản 6, Điều 1, Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Thuyết minh |
|--|---|---|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>ngành có liên quan và cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.</p> <p>2. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện: Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay, gửi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác (Cơ quan Tài chính).</p> <p>b) Định kỳ hằng quý, hằng năm Ngân hàng chính sách xã hội nơi nhận ủy thác báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội cùng cấp tỉnh hình thức hiện nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/7 năm báo cáo), hằng năm (trước ngày 25/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tỉnh hình ủy thác ngân sách địa phương, tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.</p> | |
| <p>Quy phạm pháp luật hiện hành</p> | | <p>Dự thảo văn bản</p> <p>2. Định kỳ hằng quý, hằng năm Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh tình hình thực hiện nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương.</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|--|---|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán</p> <p>1. Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>2. Hằng năm, đến kỳ báo cáo quyết toán (31/12), Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện báo cáo kết quả thực hiện về nguồn vốn, dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách xã hội từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác cùng cấp.</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> | | |
| <p>Điều 15. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương và người vay vốn</p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, chỉ đạo thực hiện, theo</p> | <p>Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương</p> <p>1. Cơ quan Tài chính</p> <p>a) Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy</p> | <p>Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương</p> <p>1. Sở Tài chính</p> <p>a) Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo UBND</p> | <p>Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương và trên cơ sở hướng dẫn của NHCSXH</p> |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|---|--|--|--|-------------|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | đổi, giám sát việc thực hiện Quy chế này, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng trên địa bàn. 2. Sở Tài chính: a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên cân đối, bố trí nguồn ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, xử lý rủi ro. | ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội trong dự toán ngân sách theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. b) Chủ trì phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được, kiểm tra các đối tượng vay vốn khi cần thiết. c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội nơi nhận ủy thác, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để xử lý rủi ro hoặc giám sát trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương đã thực hiện ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội | tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH trong kế hoạch đầu tư công theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra (khi cần thiết) tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được, kiểm tra các đối tượng vay vốn. c) Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để xử lý rủi ro hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương đã thực hiện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp để xử lý nợ rủi ro). đ) Phối hợp với Sở Nội vụ, Chi nhánh NHCSXH tỉnh thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|---|---|-------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>wướng mắc, những nội dung thay đổi liên quan đến việc ủy thác nguồn ngân sách địa phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp chỉ đạo thực hiện.</p> <p>3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, bố trí nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.</p> <p>b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác.</p> <p>4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện:</p> <p>Hằng năm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tham mưu với Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí nguồn vốn</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>(trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp để xử lý nợ rủi ro).</p> <p>2. Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả cho vay, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p>a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả cho vay, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác.</p> | <p>quyết định.</p> <p>2. Sở Nội vụ</p> <p>Chủ trì phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nợ rủi ro theo Điều 11 quy chế này và xử lý các đối tượng vay vốn quá hạn theo quy định.</p> <p>3. Các sở, ngành khác có liên quan</p> <p>Phối hợp thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro (khi có đề nghị) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác</p> <p>a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;</p> <p>b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.</p> <p>5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh</p> <p>a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|--|-------------|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.</p> <p>5. Công an tỉnh; Công an các huyện, thành phố:</p> <p>a) Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch), trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù vay vốn theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp rà soát đối tượng, nhu cầu vay vốn đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ</p> | <p>hội.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác</p> <p>a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.</p> <p>b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>5. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác</p> <p>a) Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác hàng năm, Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện quy trình phân bổ vốn theo đúng quy định của Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ.</p> <p>b) Thẩm định hồ sơ cho đối tượng vay vốn đảm bảo theo quy định.</p> | <p>tình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.</p> <p>b) Hướng dẫn nghiệp vụ; thực hiện quy trình thủ tục cho vay; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách theo quy định.</p> <p>c) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác, sử dụng lãi cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.</p> <p>d) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đúng quy định.</p> <p>đ) Chủ trì kiểm tra, rà soát gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính hồ sơ đề xuất các trường hợp xử lý nợ rui ro theo Điều 11 quy chế này.</p> <p>e) Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của UBND tỉnh.</p> <p>g) Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý, sử dụng</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|---|-------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù vay vốn theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg; theo dõi, giám sát việc thực hiện vốn vay theo quy định.</p> <p>6. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:</p> <p>a) Tuyên truyền, phổ biến về tín dụng chính sách xã hội; vận động, hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn, thực hiện các nội dung ủy thác cho vay.</p> <p>b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng chính sách xã hội theo quy định tại các văn bản liên tịch, hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội, các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế này.</p> <p>7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện</p> <p>a) Ký hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch.</p> <p>b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>c) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác, sử dụng lãi cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.</p> <p>d) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đúng quy định.</p> <p>đ) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.</p> <p>e) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý nợ rui ro và xử lý các đối tượng vay vốn quá hạn theo quy định.</p> <p>g) Hoan trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác).</p> <p>h) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác này cho phù hợp tình hình thực tế.</p> | <p>nguồn vốn ủy thác; cơ chế, xử lý nợ rui ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan theo quy định.</p> <p>6. Ủy ban nhân dân xã, phường</p> <p>a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn theo quy định.</p> <p>b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phức tra hộ vay vốn bị rui ro trên địa bàn.</p> <p>c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... (nếu có), hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rui ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi... (nếu có).</p> <p>7. Trách nhiệm của người vay vốn</p> <p>a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.</p> <p>b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | Thuyết minh |
|--|---|---|-------------|
| <p>thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế này.</p> <p>c) Thực hiện cho vay minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tuân thủ các quy trình, thủ tục và điều kiện vay vốn.</p> <p>d) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng.</p> <p>đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác theo yêu cầu của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp.</p> <p>e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>g) Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.</p> <p>8. Ủy ban nhân dân cấp huyện:</p> <p>a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thực hiện chương trình, Chi</p> | <p>6. Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>a) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch trên cơ sở tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.</p> <p>b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay vốn trên địa bàn.</p> <p>7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn</p> <p>a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn.</p> | <p>Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.</p> <p>c) Trường hợp chảy ý không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|-----------------|-------------|
| <p>Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập)</p> <p>nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này; chỉ đạo tập trung thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với các đối tượng trên địa bàn.</p> <p>b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung nguồn vốn uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.</p> <p>9. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.</p> <p>b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan</p> | <p>Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập)</p> <p>b) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.</p> <p>c) Xác nhận việc đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ bị rủi ro; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.</p> <p>d) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội nơi cho vay xử lý các đối tượng vay vốn và hộ vay quá hạn theo quy định.</p> <p>8. Trách nhiệm của người vay vốn</p> <p>a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.</p> <p>b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.</p> <p>c) Trường hợp các đối tượng vay vốn và hộ vay không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|---|-----------------|-------------|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ lãi...</p> <p>c) Hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rui ro do nguyên nhân khách quan; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc xác định, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rui ro trên địa bàn.</p> <p>d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình xử lý các trường hợp nợ quá hạn, chảy ỳ không trả nợ...; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.</p> <p>10. Người vay vốn:</p> <p>a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.</p> <p>b) Sử dụng khoản vay đúng mục đích, hoàn trả gốc, lãi vốn vay đầy đủ đúng thời hạn theo quy định.</p> <p>c) Trường hợp người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích; chảy ỳ không trả nợ gốc, lãi sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | | | |

| Quy phạm pháp luật hiện hành | | Dự thảo văn bản | Thuyết minh |
|--|--|--|--|
| Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) | Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) | | |
| <p>Điều 16. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng và được giao nhiệm vụ tại Quy chế này mà sáp nhập do sắp xếp tổ chức bộ máy thì cơ quan, tổ chức, đơn vị mới tiếp nhận nhiệm vụ sau khi sáp nhập có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này./.</p> | <p>Điều 13. Xử lý vi phạm</p> <p>Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | <p>Điều 14. Xử lý vi phạm</p> <p>Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | <p>Trên cơ sở tình hình thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật</p> |
| <p>Điều 14. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.</p> <p>2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.</p> | <p>Điều 14. Tổ chức thực hiện</p> <p>Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> | <p>Điều 15. Tổ chức thực hiện</p> <p>Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> | <p>Trên cơ sở tình hình thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật</p> |

